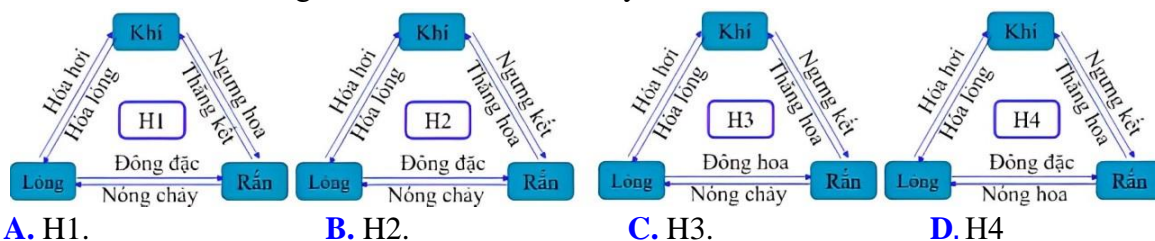


BÀI 1.2: SỰ CHUYỂN THỂ

III. Sự chuyển thể

1- Sự chuyển thể của chất

- Câu 1:** Các chất có thể chuyển từ thể này sang thể khác được không?
- A.** Các chất không thể chuyển từ thể này sang thể khác.
B. Các chất có thể chuyển từ thể này sang thể khác.
C. Các chất chỉ có thể chuyển từ thể rắn sang thể lỏng mà không thể chuyển sang thể khí hay ngược lại.
D. Các chất chỉ có thể chuyển từ thể lỏng sang thể khí mà không thể chuyển sang thể rắn hay ngược lại.
- Câu 2:** Với điều kiện như thế nào thì các chất có thể chuyển từ thể này sang thể khác?
- A.** thay đổi chất **B.** thay đổi vật đựng **C.** thay đổi nguồn gốc **D.** thay đổi nhiệt độ
- Câu 3:** Vòng tuần hoàn nước là sự tồn tại và vận động của nước trên mặt đất, trong lòng đất và trong bầu khí quyển của Trái Đất. Vòng tuần hoàn nước liên quan đến
- A.** sự chuyển thể. **B.** chuyển động tự quay của Trái Đất.
C. chuyển động Trái Đất quanh Mặt Trời. **D.** dòng chảy của nước.
- Câu 4:** Hình vẽ nào mô tả đúng sơ đồ các hình thức chuyển thể.



- A.** H1. **B.** H2. **C.** H3. **D.** H4
- Câu 5:** Thế nào là sự nóng chảy?
- A.** Sự chuyển từ thể rắn sang thể lỏng được gọi là sự nóng chảy.
B. Sự chuyển từ thể rắn sang thể khí được gọi là sự nóng chảy.
C. Sự chuyển từ thể lỏng sang thể rắn được gọi là sự nóng chảy.
D. Sự chuyển từ thể lỏng sang thể khí được gọi là sự nóng chảy.
- Câu 6:** Thế nào là sự đông đặc?
- A.** Sự chuyển từ thể rắn sang thể lỏng được gọi là sự đông đặc.
B. Sự chuyển từ thể lỏng sang thể khí được gọi là sự đông đặc.
C. Sự chuyển từ thể rắn sang thể khí được gọi là sự đông đặc.
D. Sự chuyển từ thể lỏng sang thể rắn được gọi là sự đông đặc.
- Câu 7:** Thế nào là sự bay hơi?
- A.** Sự chuyển từ thể rắn sang thể hơi được gọi là sự bay hơi.
B. Sự chuyển từ thể lỏng sang thể hơi được gọi là sự bay hơi.
C. Sự chuyển từ thể khí sang thể hơi được gọi là sự bay hơi.
D. Sự chuyển từ thể lỏng sang thể rắn được gọi là sự bay hơi.
- Câu 8:** Thế nào là sự ngưng tụ?
- A.** Sự chuyển từ thể hơi sang thể rắn được gọi là sự ngưng tụ.
B. Sự chuyển từ thể lỏng sang thể hơi được gọi là sự ngưng tụ.
C. Sự chuyển từ thể hơi sang thể lỏng được gọi là sự ngưng tụ.
D. Sự chuyển từ thể hơi sang thể khí được gọi là sự ngưng tụ.
- Câu 9:** Ở điều kiện thường, iot là chất rắn dạng tinh thể màu đen tím. Khi đun nóng, iot có sự thăng hoa. Vậy sự thăng hoa của iot là sự chuyển trạng thái từ thể
- A.** rắn sang khí. **B.** rắn sang lỏng. **C.** lỏng sang rắn. **D.** khí sang rắn.
- Câu 10:** Quá trình chuyển từ thể khí sang thể rắn của các chất được gọi là
- A.** sự ngưng kết. **B.** thăng hoa. **C.** sự đông đặc. **D.** sự ngưng tụ.

Câu 11: Với cùng một chất quá trình chuyển thể nào sẽ làm giảm lực tương tác giữa các phân tử nhiều nhất?

- A. Nóng chảy. B. Đông đặc. C. Hóa hơi. D. Thăng hoa.

2- Dùng mô hình động học phân tử giải thích sự chuyển thể

a) Giải thích sự nóng chảy

Câu 12: Hiện tượng nóng chảy của một vật xảy ra khi

- A. đun nóng vật rắn bất kì.
B. đun nóng vật đến nhiệt độ nóng chảy của chất cấu thành vật thể đó.
C. đun nóng vật trong nồi áp suất.
D. đun nóng vật đến 100°C

Câu 13: Sự nóng chảy ở chất rắn kết tinh bắt đầu xảy ra khi

- A. một số phân tử dao động mạnh hơn các phân tử xung quanh.
B. một số phân tử va chạm với các phân tử xung quanh.
C. một số phân tử dao động mạnh lên và truyền năng lượng dao động cho các phân tử khác.
D. một số phân tử thắng được lực liên kết với các phân tử xung quanh và thoát khỏi liên kết với chúng.

Câu 14: Khi bắt đầu đun, nhiệt độ của vật rắn kết tinh tăng dần. Đến nhiệt độ nóng chảy xác định, sự nóng chảy diễn ra, vật chuyển từ thể rắn sang thể lỏng và nhiệt độ...(1)... dù tiếp tục đun. Sau khi toàn bộ vật chuyển sang thể lỏng, nhiệt độ của chất lỏng...(2)... khi tiếp tục đun. Chỗ trống (1) và (2) lần lượt là

- A. "giảm xuống" và "giữ giá trị ổn định". B. "không tăng" và "giảm xuống".
C. "giảm xuống" và "tiếp tục tăng lên". D. "không tăng" và "tiếp tục tăng lên".

Câu 15: Khái niệm "ẩn nhiệt nóng chảy" được hiểu là phần năng lượng nhận thêm để

- A. làm tăng nhiệt độ của chất rắn khi nóng chảy.
B. giữ ổn định cấu trúc mạng tinh thể.
C. phá vỡ liên kết giữa các phân tử.
D. làm tăng năng lượng liên kết giữa các phân tử.

Câu 16: Câu nào sau đây không đúng sự nóng chảy:

- A. Sự nóng chảy là sự chuyển từ thể rắn sang thể lỏng của một tinh chất.
B. Mỗi tinh chất khác nhau thường có nhiệt độ nóng chảy khác nhau.
C. Nhiệt độ mà tại đó chất rắn bắt đầu nóng chảy được gọi là nhiệt độ nóng chảy.
D. Trong suốt quá trình nóng chảy, nhiệt độ nóng chảy luôn luôn thay đổi.

Câu 17: Cho một ít nước đá có nhiệt độ dưới 0°C vào trong một bình chứa. Đun nóng bình chứa (ở áp suất tiêu chuẩn) thì nhiệt độ của nước đá tăng dần đến 0°C . Khi đạt 0°C nước đá tan dần thành nước trong suốt thời gian nước đá chuyển thành nước nhiệt độ của hệ (nước đá và nước)

- A. không đổi luôn ở nhiệt độ điểm ba của nước. B. luôn tăng lên.
C. không đổi luôn ở 4°C . D. không đổi luôn ở 0°C .

Câu 18: Khi đun nóng băng phiến, người ta thấy nhiệt độ của băng phiến tăng dần, khi tới 80°C nhiệt độ của băng phiến ngừng lại không tăng, mặc dù vẫn tiếp tục đun. Lúc đó băng phiến tồn tại ở

- A. thể hơi. B. thể rắn. C. thể lỏng. D. thể rắn và thể lỏng.

Câu 19: (GK) Đặc điểm và tính chất nào dưới đây không liên quan đến chất rắn kết tinh?

- A. Có dạng hình học xác định. B. Có cấu trúc tinh thể.
C. Có nhiệt độ nóng chảy không xác định. D. Có nhiệt độ nóng chảy xác định.

Câu 20: Khi nung nóng liên tục vật rắn vô định hình, vật rắn mềm đi và chuyển dần sang thể lỏng một cách liên tục. Trong quá trình này nhiệt độ của vật...(1)... Do đó, vật rắn vô định hình...(2)... Điền vào chỗ trống các cụm từ thích hợp.

- A. (1) tăng lên liên tục; (2) không có nhiệt độ nóng chảy xác định.

B. (1) giữ ổn định; (2) không có nhiệt độ nóng chảy xác định.

C. (1) giữ ổn định; (2) có nhiệt độ nóng chảy xác định được.

D. (1) tăng lên liên tục; (2) có nhiệt độ nóng chảy xác định được.

Câu 21: Thủy tinh đã được phát hiện và sử dụng trong cuộc sống con người 4000 năm. Thủy tinh là chất rắn vô định hình

A. không có nhiệt độ nóng chảy xác định, các phân tử tạo thành mạng tinh thể.

B. không có nhiệt độ nóng chảy xác định, các phân tử không tạo thành mạng tinh thể.

C. có nhiệt độ nóng chảy xác định, các phân tử không tạo thành mạng tinh thể.

D. có nhiệt độ nóng chảy xác định, các phân tử tạo thành mạng tinh thể.

Câu 22: Chất rắn có nhiệt độ nóng chảy xác định là

A. thủy tinh.

B. đồng.

C. cao su.

D. nến (sáp).

Câu 23: Dây tóc bóng đèn sợi đốt thường được làm bằng wolfram vì nó có nhiều ưu điểm. Một trong số đó là

A. có khả năng thăng hoa.

B. không có nhiệt độ nóng chảy xác định.

C. có nhiệt độ sôi cao.

D. có nhiệt độ nóng chảy cao.

Câu 24: **(BT)** Trường hợp nào sau đây liên quan tới sự nóng chảy?

A. Sương đọng trên lá cây.

B. Khăn ướt sẽ khô khi được phơi ra nắng.

C. Đun nước đổ đầy ấm, nước có thể tràn ra ngoài.

D. Cục nước đá bỏ từ tủ đá ra ngoài, sau một thời gian, tan thành nước.

Câu 25: **(BT)** Trong các hiện tượng sau đây, hiện tượng nào không liên quan đến sự nóng chảy?

A. Bỏ cục nước đá vào một cốc nước

B. Đốt một ngọn nến

C. Đốt một ngọn đèn dầu

D. Đúc một cái chuông đồng

Câu 26: Hiện tượng nóng chảy không được ứng dụng trong lĩnh vực (công cụ) nào sau đây?

A. công nghiệp luyện kim.

B. hàn điện.

C. thực phẩm.

D. kích thủy lực.

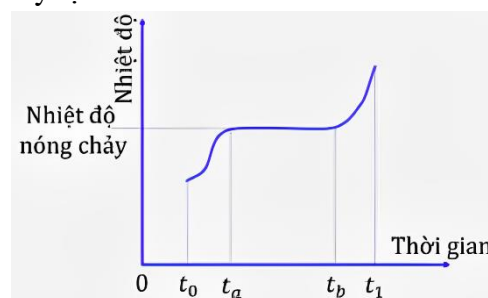
Câu 27: Hình vẽ bên là đồ thị sự thay đổi nhiệt độ của chất rắn kết tinh khi được làm nóng chảy. Trong khoảng thời gian từ t_a đến t_b thì

A. chất rắn không nhận năng lượng từ nguồn nhiệt.

B. nhiệt độ chất rắn tăng.

C. nhiệt độ chất rắn giảm.

D. chất rắn đang nóng chảy.



b) Giải thích sự đông đặc

Câu 28: Ở những ngày rất lạnh, nhiều khu vực ở nước ta như Sapa, Mẫu Sơn. nước có thể bị đóng băng. Hiện tượng này thể hiện sự chuyển thể nào của chất:

A. Sự nóng chảy.

B. Sự đông đặc.

C. Sự hóa hơi.

D. Sự ngưng tụ.

Câu 29: **(BT)** Trong thời gian sắt đông đặc, nhiệt độ của nó

A. không ngừng tăng.

B. không ngừng giảm.

C. mới đầu tăng, sau giảm.

D. không đổi.

Câu 30: **(GK)** Câu nào dưới đây là không đúng khi nói về sự nóng chảy của các chất rắn?

A. Mỗi chất rắn kết tinh nóng chảy ở một nhiệt độ xác định không đổi ứng với một áp suất bên ngoài xác định.

B. Nhiệt độ nóng chảy của chất rắn kết tinh phụ thuộc áp suất bên ngoài.

C. Chất rắn kết tinh nóng chảy và đông đặc ở cùng một nhiệt độ xác định không đổi.

D. Chất rắn vô định hình cũng nóng chảy ở một nhiệt độ xác định không đổi.

Câu 31: Phát biểu nào sau đây là sai khi nói về sự nóng chảy và sự đông đặc?

- A. Các chất khác nhau sẽ nóng chảy (hay đông đặc) ở nhiệt độ khác nhau.
- B. Đối với một chất nhất định, nếu nóng chảy ở nhiệt độ nào thì sẽ đông đặc ở nhiệt độ ấy.
- C. Nhiệt độ của vật sẽ tăng dần trong quá trình nóng chảy và giảm dần trong quá trình đông đặc.
- D. Phần lớn các chất nóng chảy (hay đông đặc) ở một nhiệt độ nhất định.

Câu 32: Trường hợp nào sau đây xuất hiện hiện tượng đông đặc?

- A. Thổi tắt ngọn nến.
- B. Kem đang tan chảy.
- C. Rán mỡ.
- D. Ngọn đèn dầu đang cháy.

Câu 33: Trong các hiện tượng sau đây, hiện tượng nào không liên quan đến sự đông đặc?

- A. Tuyết rơi.
- B. Đúc tượng đồng.
- C. Làm đá trong tủ lạnh.
- D. Rèn thép trong lò rèn.

Câu 34: Hiện tượng vào mùa đông ở các nước vùng băng tuyết thường xảy ra sự cố vỡ đường ống nước là do:

- A. tuyết rơi nhiều đè nặng thành ống.
- B. thể tích nước khi đông đặc tăng lên gây ra áp lực lớn lên thành ống.
- C. trời lạnh làm đường ống bị cứng dòn và rạn nứt.
- D. các phương án đưa ra đều sai.



c) Giải thích sự hóa hơi

-Sự bay hơi

Câu 35: Một số phân tử ở gần mặt thoáng chất lỏng, chuyển động hướng ra ngoài, có...(1)... đủ lớn thắng được lực liên kết giữa các phân tử thì có thể thoát ra ngoài khỏi chất lỏng. Như vậy, có thể nói sự bay hơi là sự hóa hơi xảy ra ở ...(2)... của khối chất lỏng. Điền vào chỗ trống các cụm từ thích hợp.

- A. (1) động năng; (2) mặt thoáng.
- B. (1) thế năng; (2) mặt thoáng.
- C. (1) động năng; (2) trong lòng.
- D. (1) thế năng; (2) trong lòng.

Câu 36: (BT) Sự bay hơi

- A. xảy ra ở bất kì nhiệt độ nào của chất lỏng.
- B. chỉ xảy ra ở trong lòng chất lỏng.
- C. xảy ra với tốc độ như nhau ở mọi nhiệt độ.
- D. chỉ xảy ra đối với một số ít chất lỏng.

Câu 37: Sự bay hơi của nước diễn ra nhanh hơn khi nào?

- A. Khi nhiệt độ càng cao.
- B. Khi gió càng mạnh.
- C. Khi diện tích mặt thoáng của nước càng lớn.
- D. Khi nhiệt độ càng cao, gió càng mạnh và diện tích mặt thoáng của nước càng lớn.

Câu 38: Độ ẩm không khí liên quan đến quá trình thoát hơi nước ở lá như thế nào?

- A. Độ ẩm không khí càng cao, sự thoát hơi nước không diễn ra.
- B. Độ ẩm không khí càng thấp, sự thoát hơi nước càng yếu.
- C. Độ ẩm không khí càng thấp, sự thoát hơi nước càng mạnh.
- D. Độ ẩm không khí càng cao, sự thoát hơi nước càng mạnh.

Câu 39: Tốc độ bay hơi của nước trong một cốc hình trụ càng lớn khi:



- A. Nước trong cốc càng nhiều
- B. Nước trong cốc càng ít
- C. Cốc được đặt trong nhà
- D. Cốc được đặt ngoài sân nắng

Câu 40: Trong các trường hợp phơi quần áo sau đây, trường hợp nào quần áo lâu khô nhất?

- A. Có gió, quần áo căng ra.
- B. Không có gió, quần áo căng ra.

C. Quần áo không căng ra, không có gió. D. Quần áo không căng ra, có gió.

Câu 41: (BT) Việc làm nào sau đây không đúng khi thực hiện thí nghiệm kiểm tra xem tốc độ bay hơi của một chất lỏng có phụ thuộc vào nhiệt độ hay không?

A. Dùng hai đĩa giống nhau. B. Dùng cùng một loại chất lỏng.

C. Dùng hai loại chất lỏng khác nhau. D. Dùng hai nhiệt độ khác nhau.

Câu 42: (CD) Trong các trường hợp dưới đây, trường hợp nào liên quan đến sự bay hơi?

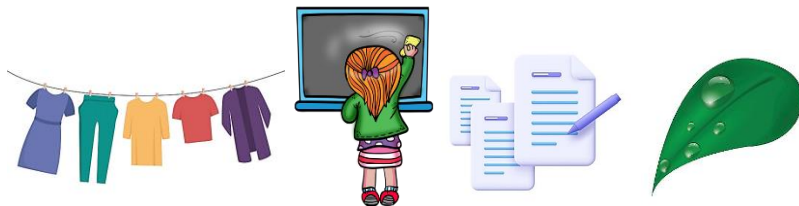
A. Kính cửa sổ bị mờ đi trong những ngày đông giá lạnh.

B. Cốc nước bị cạn dần khi để ngoài trời nắng.

C. Miếng bơ để bên ngoài tủ lạnh sau một thời gian bị chảy lỏng.

D. Đưa nước vào trong tủ lạnh để làm đá.

Câu 43: Trong các hiện tượng sau đây, hiện tượng nào **không** phải là sự bay hơi?



A. Quần áo sau khi giặt được phơi khô.

B. Lau ướt bảng, một lúc sau bảng sẽ khô.

C. Mực khô sau khi viết.

D. Sự tạo thành giọt nước đọng trên lá cây.

Câu 44: Để có muối ăn, người ta tách muối ra khỏi nước biển mặn bằng cách nào?

A. Lọc

B. Phơi nắng

C. Chưng cất

D. Làm lắng

Câu 45: Vào buổi sáng, sương trên lá hóa hơi thành hơi nước dưới ánh nắng mặt trời. Trong quá trình này, giữa các phân tử nước có

A. lực hút và lực đẩy phân tử đều yếu đi.

B. lực hút phân tử mạnh lên còn lực đẩy phân tử yếu đi.

C. lực hút và lực đẩy phân tử đều mạnh lên.

D. lực hút phân tử yếu đi còn lực đẩy phân tử mạnh lên.

Câu 46: Còn y tế chuyển từ thể lỏng sang thể khí rất nhanh ở điều kiện thông thường. Khi xoa cồn vào da, ta cảm thấy lạnh ở vùng da đó vì cồn

A. thu nhiệt lượng từ cơ thể qua chỗ da đó để bay hơi.

B. khi bay hơi toả nhiệt lượng vào chỗ da đó.

C. khi bay hơi kéo theo lượng nước chỗ da đó ra khỏi cơ thể.

D. khi bay hơi tạo ra dòng nước mát tại chỗ da đó.

-Sự sôi

Câu 47: (BT) Nước chỉ bắt đầu sôi khi

A. các bọt khí xuất hiện ở đáy bình.

B. các bọt khí vỡ tung trên mặt thoáng.

C. các bọt khí từ đáy bình nổi lên.

D. các bọt khí càng nổi lên càng to ra.

Câu 48: Một ấm nước đang sôi, nếu tiếp tục đun:

A. nhiệt độ nước trong ấm giảm xuống.

B. nước trong ấm không bay hơi nữa.

C. nhiệt độ nước trong ấm vẫn tiếp tục tăng.

D. nước trong ấm bay hơi nhiều hơn và cạn dần.

Câu 49: Sự sôi của chất là

A. Sự hóa hơi của các chất ở mọi nhiệt độ.

B. Sự hóa hơi của chất xảy ra trên bề mặt chất lỏng ở mọi nhiệt độ.

C. Sự hóa hơi của chất xảy ra cả trên bề mặt và trong lòng khối chất lỏng ở một nhiệt độ xác định.

D. Sự hóa hơi của chất xảy ra cả trên bề mặt và trong lòng khối chất lỏng ở mọi nhiệt độ.

Câu 50: Sự sôi xảy ra ở

A. nhiệt độ sôi trên 100°C

B. 100°

C. nhiệt độ sôi.

D. dưới 100°C

Câu 51: Đun nóng bình chứa nước thì nhiệt độ của nước tăng dần đến 100°C . Khi đạt 100°C , nước sôi và chuyển dần thành hơi nước. Trong suốt thời gian chuyển thành hơi nước, nhiệt độ của nước

A. giảm xuống dưới 100°C

B. tăng lên cao hơn 100°C

C. không đổi luôn ở trên 100°C

D. không đổi luôn ở 100°C

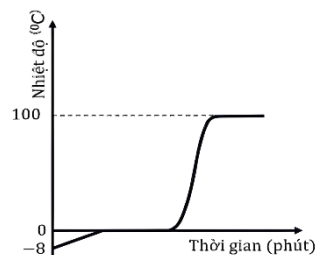
Câu 52: Đồ thị minh họa sự thay đổi nhiệt độ của chất X theo thời gian khi nhận nhiệt và chuyển các thể. Chất X có thể là

A. cồn.

B. nước.

C. kim loại.

D. băng phiến.



Câu 53: Chọn phát biểu không đúng về nhiệt độ sôi?

A. Các chất khác nhau sôi ở nhiệt độ khác nhau

B. Mỗi chất lỏng sôi ở một nhiệt độ nhất định

C. Trong suốt thời gian sôi, nhiệt độ của chất lỏng không thay đổi

D. Nhiệt độ sôi của nước là lớn nhất trong các chất lỏng

Câu 54: Trong quá trình sôi của chất lỏng, nhiệt độ không tăng mặc dù các phân tử luôn nhận năng lượng từ bên ngoài. Các phân tử nhận thêm năng lượng dùng để...(1)...với các phân tử xung quanh, khiến phân tử...(2)... Chất lỏng chuyển thành chất khí. Điền vào chỗ trống cụm từ thích hợp.

A. (1) va chạm; (2) chuyển động tự do.

B. (1) phá vỡ liên kết; (2) chuyển động tự do.

C. (1) phá vỡ liên kết; (2) chuyển thành các ion.

D. (1) va chạm; (2) chuyển thành các ion.

Câu 55: Trong quá trình sôi của chất lỏng, phần năng lượng nhận thêm để phá vỡ liên kết giữa các phân tử mà không làm tăng nhiệt độ của chất được gọi là

A. ẩn nhiệt đông đặc.

B. ẩn nhiệt ngưng tụ.

C. ẩn nhiệt hóa lỏng.

D. ẩn nhiệt hóa hơi.

Câu 56: Chọn phát biểu sai.

A. Nhiệt độ sôi của chất lỏng phụ thuộc vào áp suất khí phía trên bề mặt chất lỏng.

B. Áp suất khí càng cao thì nhiệt độ sôi của chất lỏng càng cao.

C. Áp suất khí càng nhỏ thì nhiệt độ sôi của chất lỏng càng cao.

D. Ở áp suất chuẩn, mỗi chất lỏng sôi ở nhiệt độ xác định và không đổi.

Câu 57: Có thể làm cho nước sôi mà không cần đun được không?

A. Có thể, chỉ cần hút khí để giảm áp suất tác dụng lên mặt thoáng của nước.

B. Có thể, chỉ cần giảm thể tích nước cần bơm.

C. Có thể, chỉ thổi thêm khí để tăng áp suất tác dụng lên mặt thoáng của nước.

D. Không thể, vì nước muốn sôi phải tăng nhiệt độ đến 100°C .

Câu 58: Ở trên núi cao người ta

A. không thể luộc chín trứng trong nước sôi vì áp suất trên đó lớn hơn áp suất chuẩn (1 atm) nên nước sôi ở nhiệt độ thấp hơn 100°C

B. không thể luộc chín trứng trong nước sôi vì áp suất trên đó nhỏ hơn áp suất chuẩn (1 atm) nên nước sôi ở nhiệt độ thấp hơn 100°C

C. có thể luộc chín trứng trong nước sôi vì áp suất trên đó nhỏ hơn áp suất chuẩn (1 atm) nên nước sôi ở nhiệt độ cao hơn 100°C .

D. có thể luộc chín trứng trong nước sôi vì áp suất trên đó lớn hơn áp suất chuẩn (1 atm) nên nước sôi ở nhiệt độ cao hơn 100°C

Câu 59: Một bình cầu thủy tinh chứa (không đầy) một lượng nước nóng có nhiệt độ khoảng 80°C và được nút kín. Dội nước lạnh lên phần trên gần cổ bình, ta thấy nước trong bình lại sôi là vì
(1) Nhiệt độ sôi của chất lỏng phụ thuộc áp suất chất khí ở phía trên bề mặt chất lỏng: Áp suất giảm - nhiệt độ sôi giảm.

(2) Khi dội nước lạnh lên phần trên gần cổ bình sẽ làm cho nhiệt độ hơi bên trong giảm, kéo theo áp suất khí trên bề mặt chất lỏng giảm và do đó nhiệt độ sôi giảm xuống đến 80°C nên ta thấy nước trong bình lại sôi.

Giải thích nào đúng?

A. chỉ (1). **B.** chỉ (2). **C.** (1) và (2) đúng. **D.** (1) và (2) sai.

Câu 60: **(BT)** Ở nhiệt độ trong phòng, chỉ có thể có khí ôxi, không thể có ôxi lỏng vì

- A.** ôxi là chất khí.
- B.** nhiệt độ trong phòng cao hơn nhiệt độ sôi của ôxi.
- C.** nhiệt độ trong phòng thấp hơn nhiệt độ sôi của ôxi.
- D.** nhiệt độ trong phòng bằng nhiệt độ bay hơi của ôxi.

d) Giải thích sự ngưng tụ

Câu 61: **(GK)** Câu nào sau đây không đúng khi nói về sự bay hơi của các chất lỏng?

- A.** Sự bay hơi là quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể khí xảy ra ở bề mặt chất lỏng.
- B.** Quá trình chuyển ngược lại từ thể khí sang thể lỏng là sự ngưng tụ. Sự ngưng tụ luôn xảy ra kèm theo sự bay hơi.
- C.** Sự bay hơi là quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể khí xảy ra ở cả bên trong và trên bề mặt chất lỏng.
- D.** Sự bay hơi của chất lỏng xảy ra ở nhiệt độ bất kì.

Câu 62: Quá trình chuyển thể nào sau đây vật tỏa nhiệt

- A.** Nóng chảy. **B.** Bay hơi. **C.** Ngưng tụ. **D.** Hóa hơi.

Câu 63: Giọt sương được hình thành từ hơi nước hóa lỏng trong không khí. Lực hút và lực đẩy giữa các phân tử nước thay đổi như thế nào trong quá trình này?

- A.** Lực hút và lực đẩy mạnh lên. **B.** Lực hút và lực đẩy yếu đi.
- C.** Lực hút mạnh lên và lực đẩy yếu đi. **D.** Lực hút yếu đi và lực đẩy mạnh lên.

Câu 64: Trong quá trình hình thành mây, hơi nước biến thành những giọt nước ngày càng lớn hơn cho đến khi trời mưa. Điều này sẽ:

- A.** làm cho nhiệt độ của không khí trong các đám mây ẩm lên.
- B.** làm cho nhiệt độ của không khí trong các đám mây mát hơn.
- C.** sẽ không ảnh hưởng đến nhiệt độ của không khí trong các đám mây.
- D.** không ảnh hưởng đến đám mây vì trong đó không có không khí.

Câu 65: **(BT)** Hiện tượng nào sau đây không phải là sự ngưng tụ?

- A.** Sương đọng trên lá cây. **B.** Sự tạo thành sương mù.
- C.** Sự tạo thành hơi nước. **D.** Sự tạo thành mây.

Câu 66: **(BT)** Trường hợp nào sau đây không liên quan đến sự ngưng tụ?

- A.** Lượng nước để trong chai đầy kín không bị giảm.
- B.** Mưa.
- C.** Tuyết tan.
- D.** Nước đọng trong nắp vung của ấm đun nước, khi dùng ấm đun nước sôi rồi để nguội.

Câu 67: Hiện tượng nào sau đây không phải là sự ngưng tụ?

- A.** Hơi nước trong các đám mây sau một thời gian sẽ tạo thành mưa.
- B.** Khi hà hơi vào mặt kính cửa sổ sẽ xuất hiện những hạt nước nhỏ làm mờ kính
- C.** Sự tạo thành giọt nước đọng trên lá cây vào ban đêm.
- D.** Nước mưa trên đường nhựa biến mất khi Mặt Trời xuất hiện lại sau cơn mưa

Câu 68: Tại sao khi cầm vào vỏ bình ga mini đang sử dụng ta thường thấy có một lớp nước rất mỏng trên đó?



- A. Do hơi nước từ tay ta bốc ra.
- B. Nước từ trong bình ga thẩm ra.
- C. Do vỏ bình ga lạnh hơn nhiệt độ môi trường nên hơi nước trong không khí ngưng tụ trên đó.
- D. Cả B và C đều đúng.

Câu 69: Khi trời lạnh, ô tô có bật điều hòa và đóng kín cửa, hành khách ngồi trên ô tô thấy hiện tượng gì?



- A. Nước bốc hơi trên xe.
- B. Hơi nước ngưng tụ tạo thành giọt nước phía trong kính xe.
- C. Hơi nước ngưng tụ tạo thành giọt nước phía ngoài kính xe.
- D. Không có hiện tượng gì

Câu 70: Về mùa đông ở các xứ lạnh ta thấy người đi thường thở ra "khói" là do hơi thở của người

- A. có nhiều hơi nước, khi ra ngoài không khí lạnh bị bay hơi tạo thành khói.
- B. có chứa nhiều hơi nước, khi ra ngoài không khí lạnh bị ngưng tụ thành các hạt nhỏ li ti tạo thành khói.
- C. có chứa nhiều hơi nước, khi ra ngoài không khí lạnh bị đông đặc thành đá tạo thành khói.
- D. có chứa nhiều hơi nước, khi ra ngoài không khí lạnh bị hoá hơi thành đá tạo thành khói.